

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tiến Thạch và bà Đinh Thị Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12/8/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 38/2020/TB-XX ngày 31/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1984 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1984 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 09/10/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường

xuân xảy ra cãi vã . Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Mạnh T có một con chung là Nguyễn Hải Yến N, sinh ngày 08/7/2013. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N và yêu cầu anh Nguyễn Mạnh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Nguyễn Mạnh T không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh T và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt . Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Mạnh T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 09/10/2010, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp. Chị T và anh T đã tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập để hòa giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng anh T không có mặt, thể hiện anh T không có thiện chí hoà giải.

Như vậy, có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của chị T là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh T.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Mạnh T có một con chung là Nguyễn Hải Yến N, sinh ngày 08/7/2013. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Cháu Nguyễn Hải Yến N có đơn nguyện vọng là được ở với chị T. Anh Nguyễn Mạnh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt, cũng không có bản khai trình bày về nguyện vọng được nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo tính ổn định và quyền lợi về mọi mặt của cháu N, cần giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N là phù hợp. Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng một tháng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh T không có lời khai nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hải Yến N, sinh ngày 08/7/2013, anh Nguyễn Mạnh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng kể từ ngày tuyên án 12/8/2020, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên nếu anh T chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006392 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 27/5/2020. Anh Nguyễn Mạnh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng (chưa nộp).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND phường Minh Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Quang Trung